

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 30

\*\*\*\*\*



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật và Hạ tầng mạng Thông tin Di động, là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103021688, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được cấp lại mã số doanh nghiệp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636299 ngày 25 tháng 08 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung 14 lần Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc tăng vốn điều lệ từ 61.417.920.000 VND lên 70.629.790.000 VND.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ : Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (024) 3772 6966
- Fax : (024) 3772 6989

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 7, tòa nhà điều hành MobiFone, số 87 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 3 - Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Lầu 6, tòa nhà Scetpa, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (táp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Lầu 3, tòa nhà Scetpa, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)	Tầng 7, tòa nhà IC, số 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi  
*Chi tiết: Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;*
- Sửa chữa máy móc, thiết bị  
*Chi tiết: Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;*
- Hoạt động viễn thông khác  
*Chi tiết: Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;*
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

**Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Tường Duy Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2020
Ông Vũ Quang Hải	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Trần Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Phan Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Phan Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 06 năm 2019

**Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Lê Đức Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2020
Ông Cao Thành Chung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 06 năm 2018

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Vũ Quang Hải	Tổng Giám đốc	Ngày 16 tháng 12 năm 2020
Ông Trần Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 03 tháng 08 năm 2020
Ông Phan Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 15 tháng 11 năm 2019

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Hải - Tổng Giám đốc.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Vũ Quang Hải**

Ngày 09 tháng 3 năm 2022

315-  
NHÀ  
NG  
EM  
Y VI  
&  
HÀ  
A -

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot 51B/06A/01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phúc Hải Ward, Ninh Trung City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyễn Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0147/22/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2022

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>286.671.028.802</b>	<b>295.976.386.524</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>44.136.622.528</b>	<b>111.290.935.023</b>
1. Tiền	111		37.136.622.528	41.790.935.023
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	69.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>105.996.370.395</b>	<b>30.343.016.386</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	105.996.370.395	30.343.016.386
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>132.914.013.630</b>	<b>146.165.179.277</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	120.291.410.626	142.752.513.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		296.545.753	440.243.806
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	12.660.068.861	3.922.634.638
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(334.011.610)	(950.212.667)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.396.808.203</b>	<b>5.491.363.576</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.396.808.203	5.491.363.576
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.227.214.046</b>	<b>2.685.892.262</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	2.227.214.046	2.685.892.262
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.985.214.808</b>	<b>5.374.800.420</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.270.462.093</b>	<b>3.777.915.539</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	3.270.462.093	3.777.915.539
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.887.721.334</b>	<b>161.666.266</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.887.721.334	161.666.266
<i>Nguyên giá</i>	222		265.933.531.650	263.026.477.105
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(263.045.810.316)	(262.864.810.839)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		1.019.000.000	1.019.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.019.000.000)	(1.019.000.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>827.031.381</b>	<b>1.435.218.615</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	827.031.381	1.435.218.615
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>293.656.243.610</b>	<b>301.351.186.944</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>103.232.518.808</b>	<b>114.144.078.057</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>103.232.518.808</b>	<b>114.093.078.057</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	43.983.451.383	52.414.570.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.978.000	1.113.899.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	5.334.226.106	9.313.204.760
4. Phải trả người lao động	314		30.523.916.330	27.308.337.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	12.735.080.526	12.716.439.702
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.454.545	5.454.545
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	5.653.199.169	5.167.664.304
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.13	4.992.212.749	6.053.506.875
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>51.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	-	51.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>190.423.724.802</b>	<b>187.207.108.887</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>190.423.724.802</b>	<b>187.207.108.887</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.629.790.000	70.629.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		81.836.222.502	75.679.382.860
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.957.712.300	40.897.936.027
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.494.809.243	40.897.936.027
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.462.903.057	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>293.656.243.610</b>	<b>301.351.186.944</b>

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Trần Thị Hồng Nhung

Nguyễn Anh Tú



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	459.100.383.911	710.370.924.877
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		459.100.383.911	710.370.924.877
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	413.710.254.490	654.318.308.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.390.129.421	56.052.616.012
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.492.910.235	5.580.733.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	764.969.060	701.412.553
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	621.655.336	1.174.280.110
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	15.312.016.332	21.050.542.220
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.184.398.928	38.707.114.619
11. Thu nhập khác	31		1.044.858.469	44.479.464
12. Chi phí khác	32		95.382.946	69.963.204
13. Lợi nhuận khác	40		949.475.523	(25.483.740)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		34.133.874.451	38.681.630.879
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	6.670.971.394	7.897.432.671
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.462.903.057</u>	<u>30.784.198.208</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	<u>3.049</u>	<u>3.426</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.7	<u>3.049</u>	<u>3.426</u>

Người lập biểu



Trần Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tú

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.133.874.451	38.681.630.879
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	180.999.477	8.164.263.816
- Các khoản dự phòng	03		(616.201.057)	767.363.973
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(4.402.018.531)	(5.501.976.912)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.296.654.340	42.111.281.756
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		15.365.304.487	(12.359.388.295)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.094.555.373	(2.772.150.120)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(8.070.918.238)	2.764.204.925
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.066.865.450	(1.916.449.585)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(9.417.752.477)	(9.696.660.787)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.13	(7.518.473.695)	(2.554.335.903)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>24.816.235.240</b>	<b>15.576.501.991</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.907.054.545)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.258.180.185	5.478.148.755
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(75.148.874.360)</b>	<b>10.478.148.755</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính




**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.14	(16.821.673.375)	(17.461.022.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(16.821.673.375)</i>	<i>(17.461.022.500)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(67.154.312.495)</b>	<b>8.593.628.246</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>111.290.935.023</b>	<b>102.697.306.777</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>44.136.622.528</b>	<b>111.290.935.023</b>

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Hồng Nhung

Nguyễn Anh Tú

Vũ Quang Hải

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại;  
Bảo dưỡng thiết bị truyền dẫn mạng viễn thông; Sửa chữa bảo dưỡng hệ thống báo cháy, phòng chữa cháy tự động, các hệ thống cảnh báo, giám sát điều khiển; Bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin;
- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; Đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông bao gồm: công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông, dịch vụ viễn thông, sản phẩm viễn thông, công nghệ thông tin, Internet; Dịch vụ tư vấn đo kiểm mạng thông tin di động;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu bán hàng hóa năm nay giảm so với năm trước do Công ty không triển khai kinh doanh thẻ cào của Viettel từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

#### 6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh MobiFone Service Hải Phòng	Tầng 7, tòa nhà điều hành MobiFone, số 87 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.
Chi nhánh MobiFone Service Đà Nẵng	Tầng 3 - Lô 6 đường số 1 KCN Đà Nẵng, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
Chi nhánh MobiFone Service Tp Hồ Chí Minh	Lầu 6, tòa nhà Scetpa, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh MobiFone Service Hà Nội	Tầng 16 (tháp B) tòa nhà CTM Complex, số 139 Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Chi nhánh MobiFone Service Cần Thơ	Lầu 2, tòa nhà nhà sách Phương Nam, số 06 Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Chi nhánh MobiFone Service Đồng Nai	Lầu 3, tòa nhà Scetpa, số 19A Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.
Chi nhánh Dịch vụ giá trị gia tăng (VAS)	Tầng 7, tòa nhà IC, số 82 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

#### 8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 9. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 2.183 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 2.010 nhân viên). Số lượng nhân viên tăng mạnh do phục vụ hoạt động hỗ trợ nghiệp vụ và ứng cứu thông tin.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân Đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là phí dịch vụ trả trước và công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

##### *Phí dịch vụ trả trước*

Phí dịch vụ trả trước thể hiện khoản phí dịch vụ đã trả cho thời gian Công ty sử dụng dịch vụ. Phí dịch vụ trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng dịch vụ.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	02-06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-06

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 17. Báo cáo theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là cung cấp các dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi, dịch vụ cho thuê nhà trạm, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và một số dịch vụ, hàng hóa khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý, và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	146.812.244	113.826.786
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	36.989.810.284	41.677.108.237
Các khoản tương đương tiền ( <i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i> )	7.000.000.000	69.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>44.136.622.528</u></b>	<b><u>111.290.935.023</u></b>

Các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thăng Long và Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội với tổng số tiền là 7.000.000.000 VND (số đầu năm là 20.000.000.000 VND) được cầm cố để bảo lãnh cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty.

### 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Sở giao dịch, Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Cầu Giấy và Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hà Nội với tổng số tiền là 7.996.370.395 VND (số đầu năm là 4.843.016.386 VND) được cầm cố để bảo lãnh cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ của Công ty.

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>109.597.154.004</i></b>	<b><i>125.024.214.645</i></b>
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	109.597.154.004	125.020.322.645
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	-	3.892.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>10.694.256.622</i></b>	<b><i>17.728.298.855</i></b>
Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ Viễn thông PT	-	1.897.853.100
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	1.518.000.000	1.391.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Đại Anh	2.243.818.249	2.903.566.182
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông - Xi nghiệp Bảo dưỡng - Đo kiểm	1.258.915.930	1.258.915.930
Các khách hàng khác	5.673.522.443	10.276.463.643
<b>Cộng</b>	<b><u>120.291.410.626</u></b>	<b><u>142.752.513.500</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>8.576.693.362</b>	-	<b>2.187.368.970</b>	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Doanh thu tạm tính	6.376.489.686	-	1.301.171.391	-
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Ký cược, ký quỹ	1.505.645.676	-	886.197.579	-
Phải thu tiền lương theo CV 246/HĐTV-TCCB ngày 9/12/2021	694.558.000	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>4.083.375.499</b>	-	<b>1.735.265.668</b>	-
Doanh thu tạm tính	1.863.086.329	-	164.879.802	-
Tạm ứng	464.419.585	-	1.028.408.848	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.566.038.420	-	422.200.074	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	189.831.165	-	119.776.944	-
<b>Cộng</b>	<b>12.660.068.861</b>	-	<b>3.922.634.638</b>	-

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone – Bên liên quan	829.546.554	-	1.160.000.000	-
Các tổ chức và cá nhân khác	2.440.915.539	-	2.617.915.539	-
<b>Cộng</b>	<b>3.270.462.093</b>	-	<b>3.777.915.539</b>	-

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	406.620.870	-	-	-
Hàng hóa	990.187.333	-	5.491.363.576	-
<b>Cộng</b>	<b>1.396.808.203</b>	-	<b>5.491.363.576</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí trả trước****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí dịch vụ trả trước	-	121.992.500
Gói tin nhắn quảng cáo	966.487.909	2.053.344.978
Chi phí thuê văn phòng	865.848.470	317.888.459
Chi phí thuê nhà trạm	91.122.830	20.793.548
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	148.150.000
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	303.754.837	23.722.777
<b>Cộng</b>	<b><u>2.227.214.046</u></b>	<b><u>2.685.892.262</u></b>

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

Là chi phí công cụ, dụng cụ.

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	4.777.396.918	263.026.477.105
Mua trong năm	-	2.907.054.545	-	-	2.907.054.545
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>29.750.708.203</u></b>	<b><u>230.280.630.165</u></b>	<b><u>1.124.796.364</u></b>	<b><u>4.777.396.918</u></b>	<b><u>265.933.531.650</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	4.777.396.918	263.026.477.105
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	29.750.708.203	227.373.575.620	1.124.796.364	4.615.730.652	262.864.810.839
Khấu hao trong năm	-	19.333.211	-	161.666.266	180.999.477
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>29.750.708.203</u></b>	<b><u>227.392.908.831</u></b>	<b><u>1.124.796.364</u></b>	<b><u>4.777.396.918</u></b>	<b><u>263.045.810.316</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	-	-	161.666.266	161.666.266
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.887.721.334</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.887.721.334</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**8. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý nhân sự đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	35.332.025	304.005.260
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	35.332.025	14.268.900
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	-	289.736.360
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	43.948.119.358	52.110.565.385
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Duy Tân	1.569.997.670	6.281.199.881
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển TGI Hà Nội	7.479.639.625	-
Các nhà cung cấp khác	34.898.482.063	45.829.365.504
<b>Cộng</b>	<b>43.983.451.383</b>	<b>52.414.570.645</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.745.439.199	27.473.987.458	(28.850.345.396)	4.369.081.261
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	898.159.787	(898.159.787)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.360.481.626	6.670.971.394	(9.417.752.477)	613.700.543
Thuế thu nhập cá nhân	207.283.935	1.319.220.871	(1.312.531.236)	213.973.570
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-
Thuế nhà thầu	-	1.305.305.594	(1.167.834.862)	137.470.732
<b>Cộng</b>	<b>9.313.204.760</b>	<b>37.676.645.104</b>	<b>(41.655.623.758)</b>	<b>5.334.226.106</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu lệ phí sân bay	Không chịu thuế
- Doanh thu bán vé máy bay quốc tế	0%
- Doanh thu dịch vụ giá trị gia tăng, chăm sóc khách hàng, cho thuê viba	10%
- Các loại doanh thu khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.133.874.451	38.681.630.879
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.940.371.737)	805.532.478
- Các khoản điều chỉnh tăng	330.531.345	805.532.478
- Các khoản điều chỉnh giảm	3.270.903.082	-
Thu nhập tính thuế	31.193.502.714	39.487.163.357
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>6.238.700.543</b>	<b>7.897.432.671</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	432.270.851	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>6.670.971.394</b>	<b>7.897.432.671</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**11. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.095.140.604	740.218.704
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone - Chi phí dịch vụ Fast Credit, văn phòng điện tử E-Office	1.095.140.604	740.218.704
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	11.639.939.922	11.976.220.998
Chi phí giải thưởng chương trình khuyến mại	100.630.000	198.650.000
Phí dịch vụ nội dung và kỹ thuật	9.430.318.364	7.734.086.439
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.108.991.558	4.043.484.559
<b>Cộng</b>	<b>12.735.080.526</b>	<b>12.716.439.702</b>

**12. Phải trả khác****12a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	432.000.000	-
Thủ lao cho HĐQT và BKS	432.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	5.221.199.169	5.167.664.304
Kinh phí công đoàn	828.053.730	748.046.701
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	34.065.094	10.149.951
Quỹ dự phòng covid	46.907.955	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	364.246.000	927.350.188
Cổ tức phải trả	1.911.912.325	1.076.138.200
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.036.014.065	2.405.979.264
<b>Cộng</b>	<b>5.653.199.169</b>	<b>5.167.664.304</b>

**12b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	6.053.506.875	-	6.053.506.875
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.156.839.642	-	6.156.839.642
Tăng do phân loại lại (*)	-	300.339.927	300.339.927
Chi quỹ trong năm	(7.518.473.695)	-	(7.518.473.695)
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.691.872.822</b>	<b>300.339.927</b>	<b>4.992.212.749</b>

(\*) Phân loại lại số dư quỹ thưởng Ban điều hành từ năm 2014 theo dõi ở khoản mục "Phải trả khác".

**14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	70.629.790.000	69.548.407.287	41.997.880.359	182.176.077.646
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	30.784.198.208	30.784.198.208
Trích lập các quỹ	-	6.130.975.573	(13.794.695.040)	(7.663.719.467)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.657.447.500)	(17.657.447.500)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>70.629.790.000</b>	<b>75.679.382.860</b>	<b>40.897.936.027</b>	<b>187.207.108.887</b>
Số dư đầu năm nay	70.629.790.000	75.679.382.860	40.897.936.027	187.207.108.887
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	27.462.903.057	27.462.903.057
Trích lập các quỹ	-	6.156.839.642	(12.313.679.284)	(6.156.839.642)
Trích thù lao HĐQT và BKS	-	-	(432.000.000)	(432.000.000)
Chia cổ tức	-	-	(17.657.447.500)	(17.657.447.500)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>70.629.790.000</b>	<b>81.836.222.502</b>	<b>37.957.712.300</b>	<b>190.423.724.802</b>

**14b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Viễn thông MobiFone	22.080.000.000	22.080.000.000
Các cổ đông khác	48.549.790.000	48.549.790.000
<b>Cộng</b>	<b>70.629.790.000</b>	<b>70.629.790.000</b>

**14c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.062.979	7.062.979
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.062.979	7.062.979

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2021/MFS ngày 29 tháng 06 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức (25% vốn góp của Chủ sở hữu) cho các cổ đông	: 17.657.447.500
• Trích thù lao HĐQT và BKS	: 432.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (20%)	: 6.156.839.642
• Trích quỹ đầu tư phát triển (20%)	: 6.156.839.642

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	38.522.707.237	264.517.971.782
Doanh thu cung cấp dịch vụ	420.483.520.559	445.758.865.282
Doanh thu khác	94.156.115	94.087.813
<b>Cộng</b>	<b>459.100.383.911</b>	<b>710.370.924.877</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone</b>		
Bán hàng hóa	22.936.975.579	702.256.000
Cung cấp dịch vụ	374.494.277.678	383.071.578.503
Tiền điện thu hộ trả hộ	94.156.115	94.087.813
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone</b>		
Cung cấp dịch vụ	38.768.190	61.178.370

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	38.117.403.938	263.868.742.726
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	375.498.694.437	390.355.478.326
Giá vốn khác	94.156.115	94.087.813
<b>Cộng</b>	<b>413.710.254.490</b>	<b>654.318.308.865</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.402.018.531	5.501.976.912
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.635.941	41.587.648
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	61.255.763	37.168.930
<b>Cộng</b>	<b>4.492.910.235</b>	<b>5.580.733.490</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.129.278	57.705.995
Chi phí tài chính khác	762.839.782	643.706.558
<b>Cộng</b>	<b><u>764.969.060</u></b>	<b><u>701.412.553</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	178.180.000	67.400.000
Các chi phí khác	443.475.336	1.106.880.110
<b>Cộng</b>	<b><u>621.655.336</u></b>	<b><u>1.174.280.110</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.910.657.398	14.024.065.169
Chi phí đồ dùng văn phòng	116.991.030	110.529.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.333.343	15.999.996
Thuế, phí và lệ phí	9.000.000	9.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	767.363.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.181.166.721	6.085.414.954
Các chi phí khác	84.867.840	38.168.500
<b>Cộng</b>	<b><u>15.312.016.332</u></b>	<b><u>21.050.542.220</u></b>

**7. Lãi trên cổ phiếu****7a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay (ii)</u>	<u>Năm trước (i)</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.462.903.057	30.784.198.208
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.492.580.611)	(6.156.839.642)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(432.000.000)	(432.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	21.538.322.446	24.195.358.566
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	7.062.979	7.062.979
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.049</u></b>	<b><u>3.426</u></b>

(i) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại, tăng từ 3.208 VND lên 3.426 VND, do xác định lại số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/2021/MFS ngày 29 tháng 06 năm 2021.

(ii) Để phục vụ mục đích trình bày chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay, quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính theo tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế năm nay và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được tạm tính theo định mức năm trước. Tỷ lệ này được xác định theo mức trích của năm trước.

**7b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.006.357.671	656.478.326
Chi phí nhân công (*)	226.577.072.931	198.361.013.082
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.999.477	8.164.263.816
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.047.361.244	150.386.210.304
Chi phí khác	38.121.351.767	55.106.422.941
<b>Cộng</b>	<b>391.933.143.090</b>	<b>412.674.388.469</b>

(\*) Chi phí nhân công năm nay tăng do tăng số lượng nhân viên khối dịch vụ hỗ trợ nghiệp vụ và ứng cứu thông tin.

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>				
Ông Tường Duy Phúc - Chủ tịch HĐQT	605.569.099	132.900.000	84.000.000	822.469.099
Ông Vũ Quang Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	578.687.680	107.900.000	60.000.000	746.587.680
Ông Trần Minh Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	483.000.956	89.900.000	60.000.000	632.900.956
Ông Phan Tiến Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	485.143.265	91.900.000	60.000.000	637.043.265
Ông Phan Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Cao Thành Chung - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chiến - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
Ông Lê Đức Mạnh - Thành viên BKS	-	-	18.000.000	18.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thành viên BKS	-	-	18.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.152.401.000</b>	<b>420.600.000</b>	<b>432.000.000</b>	<b>3.007.001.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE**

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Tiền lương</u>	<u>Thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
<b>Năm trước</b>				
Ông Trương Duy Phúc - Chủ tịch HĐQT	941.505.499	47.000.000	84.000.000	1.072.505.499
Ông Vũ Quang Hải - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	780.930.651	38.000.000	60.000.000	878.930.651
Ông Trần Minh Đức - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	471.523.023	23.600.000	60.000.000	555.123.023
Ông Phan Tiến Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	478.841.034	23.600.000	60.000.000	562.441.034
Ông Phan Tuấn Anh - Thành viên HĐQT	-	-	60.000.000	60.000.000
Ông Cao Thành Chung - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Chiến - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thành viên BKS	-	-	36.000.000	36.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.672.800.207</b>	<b>132.200.000</b>	<b>432.000.000</b>	<b>3.237.000.207</b>

**Ib. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác****Mối quan hệ**

Tổng Công ty Viễn thông MobiFone

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam

Công ty cùng Tổng Công ty

Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu

Công ty cùng Tổng Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone

Công ty cùng Tổng Công ty

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng Công ty Viễn thông MobiFone</b>		
Chia cổ tức	5.520.000.000	5.520.000.000
Mua hàng hóa	116.590.763	15.836.939.179
Sử dụng dịch vụ	5.271.704.308	10.982.217.374
<b>Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu</b>		
Sử dụng dịch vụ	123.200.000	132.000.000

**Công nợ với các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.9 và V.11.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT MOBIFONE

Địa chỉ: Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 09 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tú

Tổng Giám đốc

Vũ Quang Hải

